

Số: /TB-THPTHV

Đà Nẵng, ngày tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO
Công khai các khoản thu và các đối tượng thuộc diện chế độ chính sách
Năm học 2026 - 2027

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ:

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực, giáo dục, đào tạo;

Thực hiện Công văn số 4014/SGDĐT-KHTC ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) thành phố Đà Nẵng về việc thực hiện chính sách học phí, chính sách hỗ trợ người học và các khoản thu năm học 2026 - 2027;

II. NỘI DUNG CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2026 - 2027:

1. Học phí

- Thực hiện miễn 100% học phí năm học 2026-2027 (9 tháng) theo Nghị quyết số 217/2025/QH ngày 26/06/2025 của Quốc Hội;

2. Bảo hiểm y tế

- Thực hiện theo công văn số 2495/BHXXH-QLT-PTNTG ngày 13/8/2026 của BHXH thành phố Đà Nẵng về việc Thu bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên. Năm học 2026-2027. Mức đóng BHYT của đối tượng HSSV bằng 4,5% mức lương cơ sở hiện hành nhân (X) với số tháng tương ứng thời hạn sử dụng thẻ BHYT (Trong đó: phần thuộc trách nhiệm phải đóng của HS là 50%, ngân sách nhà nước (NSNN) hỗ trợ 50%, mức lương cơ sở hiện hành là 2.530.000 đồng) cụ thể:

Khối lớp	Số tháng đóng BHYT	Số tiền đóng / tháng	Tổng số tiền đóng BHYT	Thời hạn sử dụng thẻ
(1)	(2)	(3)	(4) = (2) x (3)	(5)
10	12	56.925	683.100	Từ 01/01/2027 - 31/12/2027
11	12	56.925	683.100	Từ 01/01/2027 - 31/12/2027
12	12	56.925	683.100	Từ 01/01/2027 - 31/12/2027

Lưu ý: Những học sinh đã có thẻ BHYT như: con hộ nghèo, con công an, và các học sinh đã mua thẻ BHYT tại địa phương thì không tham gia BHYT và học sinh có trách nhiệm photo thẻ BHYT đã có nộp cho phòng y tế để trường quản lý (từ ngày 07/9/2026 đến ngày 30/9/2026).

3. Kinh phí hoạt động của Ban đại diện Hội cha mẹ học sinh

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

4. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

Nhà trường sẽ thông báo các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2026-2027 sau khi có văn bản thống nhất giữa cha mẹ học sinh với nhà trường.

5. Thời gian và hình thức thu

a) Thời gian thu

Tùy vào điều kiện thực tế của từng gia đình Cha mẹ học sinh (CMHS), học sinh có thể nộp tất cả các khoản nêu trên cùng một thời điểm vào đầu năm học hoặc nộp trước ngày 30/11/2026.

b) Hình thức thu

- Cha mẹ học sinh (CMHS) hoặc học sinh thực hiện chuyển khoản các khoản thu theo quy định vào tài khoản nhà trường theo thông tin số tài khoản sau:

- + Tên tài khoản: **TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HOÀ VANG;**
- + Số tài khoản: **1016482650** tại ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Đà Nẵng;
- + Nội dung nộp tiền:

< HOTENHOCSINH >_<LOP>_<KHOAN THU>

Trong đó:

< HOTENHOCSINH >: Họ và tên học sinh.

<LOP>: Lớp học của học sinh đang theo học tại trường.

<KHOANTHU>: Đề nghị ghi rõ khoản nộp là **BHYT**.

<SOTIEN>: Số tiền cần nộp theo thông báo của Nhà trường.

Ví dụ: NGUYEN ANH THU LOP 101 BHYT

- Ghi chú:

- + Nội dung chuyển khoản: Ghi tên HỌC SINH không ghi tên CMHS;
- + Nội dung chuyển khoản có ghi lớp để tránh trường hợp chuyển khoản nhầm để bộ phận tài vụ của nhà trường đối chiếu;
- + Quý CMHS vui lòng chuyển khoản **đúng số tiền BHYT về tài khoản nhà trường**, tránh trường hợp chuyển khoản nhiều hơn, làm tròn số hoặc chuyển khoản ít hơn số thu trong thông báo;

****** Quét mã QR để nộp tiền**



III. CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH TRONG NĂM HỌC 2026 - 2027:

1. Các căn cứ quy định

- Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

- Căn cứ Nghị quyết số 50/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; Học sinh, sinh viên khuyết tật và mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết 64/2026/NQ-HĐND ngày 29/6/2026 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định một số chính sách giảm nghèo đặc thù trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Đối tượng hỗ trợ- mức hỗ trợ và hồ sơ gửi kèm

2.1 Đối tượng nhận hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP (Điều 17)

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ/ tháng	Số tháng hỗ trợ	Tổng số tiền	Hồ sơ nộp kèm
1	Học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ	150.000	4 tháng	600.000	Bản sao công chứng Quyết định trợ cấp cho con mồ côi cả cha lẫn mẹ (01 bản)
2	Học sinh khuyết tật (GCN phải đúng theo quy định tại điểm c,	150.000	4 tháng	600.000	Bản sao công chứng Giấy chứng nhận khuyết tật (02 bản)

	khoản 2, điều 8 thông tư 01/2019/TT-BLĐTBXH				
3	Học sinh thuộc diện hộ nghèo	150.000	4 tháng	600.000	Bản sao công chứng Giấy chứng nhận Hộ nghèo năm 2026 (01 bản)
4	Học sinh phổ thông mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ (trong trường hợp ở với người giám hộ) có nơi thường trú và đang học tại cơ sở giáo dục ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	150.000	4 tháng	600.000	Bản sao công chứng : (01 bộ) - Xác nhận thông tin cư trú do Công an phường/xã xác nhận. - Giấy khai sinh và sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú (trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc).

2.2 Đối tượng nhận học bổng và phương tiện đồ dùng học tập theo Thông tư liên tịch 42/2013/TTLT/BGDĐT-BLĐTBXH-BTC

STT	Đối tượng	Học bổng		Hỗ trợ phương tiện học tập	Tổng tiền nhận	Hồ sơ nộp kèm
		Mức hỗ trợ/ tháng	Số tháng hỗ trợ			
1	Học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo/cận nghèo	2.024.000	4 tháng	500.000	8.596.000	Bản sao công chứng gồm : (2 bộ) - Giấy chứng nhận khuyết tật - Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc cận nghèo năm 2026

2.3 Đối tượng hưởng trợ cấp theo quy định tại khoản 3, điều 3 Nghị quyết 50/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ/ tháng	Số tháng hỗ trợ	Tổng tiền nhận	Hồ sơ nộp kèm
1	Học sinh khuyết tật	1.200.000	4 tháng	4.800.000	Bản sao công chứng Giấy chứng nhận khuyết tật (02 bản)

2	Học sinh dân tộc thiểu số không thuộc đối tượng hưởng chế độ Nghị định 66/2025/NĐ-CP	1.200.000	4 tháng	4.800.000	Bản sao công chứng: (01 bộ) - Giấy khai sinh - CCCD
---	--	-----------	---------	-----------	--

2.4 Đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại điểm c, khoản 4, điều 3 Nghị quyết 64/2026/NQ-HĐND ngày 29/6/2026

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ/ tháng	Số tháng hỗ trợ	Tổng tiền nhận	Hồ sơ nộp kèm
1	Hộ nghèo có khả năng lao động được Chủ tịch UBND cấp xã quyết định công nhận thoát nghèo và vượt qua chuẩn cận nghèo theo quy định pháp luật về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo. (Không quá 3 năm liên tục kể từ năm học sau thời điểm hộ nghèo được công nhận thoát nghèo)	150.000	4 tháng	600.000	Bản sao công chứng Giấy chứng nhận hộ thoát nghèo

Lưu ý: Trong trường hợp có sự trùng lặp về đối tượng hưởng các chính sách được quy định nêu trên so với các quy định khác của pháp luật đang thực hiện thì chỉ được hưởng theo mức hỗ trợ cao nhất. *Các đối tượng chính sách trên đến hết ngày 31/12/2026 phải làm lại hồ sơ miễn giảm trong năm 2026 (hồ sơ như trên) để tiếp tục hưởng chế độ. Hạn cuối nộp hồ sơ: Ngày 10/02/2027.*

3. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ miễn giảm:

- Thời gian nộp hồ sơ chế độ chính sách: Hạn cuối 17h00 ngày 12/9/2026.
- Địa điểm nộp: Văn Phòng Trường THPT Hoà Vang (Cô Oanh - Kế toán nhận).
- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh thuộc diện hộ nghèo, con mồ côi, học sinh khuyết tật (có mẫu tại văn phòng nhà trường).

Trên đây là thông báo công khai các khoản thu và các đối tượng thuộc diện chế độ chính sách trong năm học 2026 - 2027, nhà trường thông báo công khai đến toàn thể cha mẹ học sinh và học sinh được biết./.

Nơi nhận:

- Website, niêm yết;
- Lưu: VT, VP_{Oanh}.

HIỆU TRƯỞNG

Hồ Thị Thu Thanh